Ký bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan: Bộ Công thương
Thời gian ký: 29.04.2020 18:37:41 +07:00

BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3073/BCT – ĐL V/v cung cấp thông tin về định hướng Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã thuộc lĩnh vực năng lượng giai đoạn 2021 - 2030	*Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2020*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, Bộ Công Thương có trách nhiệm triển khai Kế hoạch xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2030 của ngành Công Thương. Để có cơ sở xây dựng, định hướng Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã (KTTT) thuộc lĩnh vực điện năng giai đoạn 2021 - 2030, Bộ Công Thương đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo cơ quan chuyên môn, Liên minh hợp tác xã (cấp tỉnh) cung cấp thông tin về các tổ hợp tác (THT), hợp tác xã (HTX) có hoạt động kinh doanh điện năng, gồm nội dung như sau:

1. Đánh giá thực trạng của KTTT về số lượng, chất lượng giai đoạn 2011 – 2020;

2. Đề xuất định hướng, nhiệm vụ và giải pháp phát triển giai đoạn 2021 – 2030.

(Mẫu báo cáo theo Đề cương và các Biểu số liệu: 1, 2, 3, 4 tại Phục lục kèm theo)

Đề nghị Quý cơ quan gửi kèm bản mềm và đầu mối liên hệ của Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo: Đ/c Nguyễn Thị Huyền, Điện thoại 0916005511, Email: huyennth@moit.gov.vn). Báo cáo xin gửi về Bộ Công Thương trước ngày 20 tháng 5 năm 2020 để tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Liên minh HTX, SCT các tỉnh;
- Vụ Kế hoạch, Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, ĐL (3).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Cao Quốc Hưng

PHỤ LỤC

Đề cương định hướng Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã thuộc lĩnh vực năng lượng giai đoạn 2021 – 2030

(Kèm theo Công văn số 3073 /BCT-ĐL, ngày 29 tháng 4 năm 2020)

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KTTT NĂNG LƯỢNG GIAI ĐOẠN 2011-2020

1. Tình hình chung: Nêu đặc điểm chung của các tổ chức KTTT giai đoạn 2011 - 2020.

a) Về tổ hợp tác (THT)

- Số lượng THT tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, trong đó có số lượng THT thành lập mới, số THT có đăng ký chứng thực hợp đồng hợp tác; cơ cấu THT trong các ngành, lĩnh vực…; so sánh số liệu thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 với số liệu thời điểm 31 tháng 12 năm 2011.

- Số thành viên THT tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 (tăng/giảm so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2011), trong đó số lượng thành viên mới tham gia vào THT; số lao động làm việc trong khu vực THT tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 (tăng/giảm so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2011), số lao động mới.

- Tổng số vốn hoạt động, giá trị tài sản của THT (tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020) tăng/giảm so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2011. Doanh thu bình quân của THT; thu nhập bình quân của thành viên, lao động của THT (tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2020); tăng/giảm so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2011.

- Số lượng các THT hoạt động hiệu quả; số THT phát triển thành hợp tác xã; vai trò của THT trong việc hỗ trợ kinh tế hộ thành viên.

- Những hạn chế, khó khăn và những vấn đề mới phát sinh của THT hiện nay.

b) Về hợp tác xã (HTX)

- Số lượng HTX tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 (tăng/giảm so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2011), trong đó có số lượng HTX thành lập mới; số lượng HTX đang hoạt động, ngưng hoạt động; số lượng HTX đã chuyển đổi, giải thể; số HTX thành lập doanh nghiệp.

Tình hình chuyển đổi, đăng ký lại HTX theo Luật HTX năm 2012 (số HTX đã chuyển đổi, chưa chuyển đổi hoặc chuyển sang loại hình kinh tế khác).

- Số thành viên HTX tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 (tăng/giảm so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2011) trong đó số thành viên là cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp; số lượng thành viên mới tham gia vào HTX giai đoạn 2011 – 2020; số lao động làm việc trong khu vực HTX tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 (tăng/giảm so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2011), số lao động mới.

- Đóng góp của khu vực KTTT vào GDP địa phương tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 (tăng/giảm so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2011); đóng góp của HTX tới kinh tế hộ thành viên (giảm chi phí đầu vào, tăng giá thành, tăng thu nhập…)

- Tổng số vốn hoạt động, giá trị tài sản của HTX (tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020), trong đó tổng số vốn đăng ký mới; tăng/giảm so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2011.

- Doanh thu bình quân của HTX (trong đó cụ thể doanh thu đối với thành viên và doanh thu ngoài thành viên); Lãi bình quân của 1 HTX; Thu nhập bình quân của thành viên, lao động của HTX (tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2020); tăng/giảm so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2011.

- Tổng số nợ đọng của HTX tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 (chia theo giai đoạn phát sinh nợ từ trước 01 tháng 01 năm 1997 và từ 01 tháng 01 năm 1997 đến 31 tháng 12 năm 2020), tổng số nợ đọng của thành viên với HTX.

- Số HTX hoạt động hiệu quả theo Luật Hợp tác xã 2012[1]: Đánh giá tình hình xây dựng mô hình HTX hoạt động hiệu quả theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã 2012 về quy mô, mô hình hoạt động, cách thức tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, năng lực quản trị, áp dụng công nghệ…; đánh giá các chỉ tiêu kinh tế của HTX (thu nhập bình quân của HTX, lợi nhuận bình quân, thu nhập của người lao động…) và tác động của HTX tới kinh tế hộ thành viên.

- Số lượng cán bộ quản lý HTX, trong đó số lượng cán bộ quản lý đạt trình độ sơ, trung cấp; số lượng cán bộ quản lý đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên; số cán bộ có trình độ sau đại học; số cán bộ HTX được hỗ trợ bảo hiểm xã hội; tỷ lệ cán bộ đã qua đào tạo nghề so với tổng số lao động.

- Những chuyển biến của HTX về phương thức hoạt động, sản xuất, kinh doanh; các HTX kiểu mới gắn với chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm…Vai trò của HTX trong phát triển kinh tế hộ thành viên, kinh tế - xã hội tại địa phương, tạo việc làm, an sinh xã hội.

- Những hạn chế, khó khăn và vấn đề mới phát sinh của HTX hiện nay.

2. Đánh giá chung

a) Vị trí, vai trò của KTTT trong phát triển kinh tế - xã hội

- Về phát triển kinh tế: Đóng góp của khu vực KTTT vào tổng sản phẩm của địa phương; hiệu quả kinh tế, năng suất lao động; tỷ trọng vốn đầu tư cho khu vực này trong tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội, xuất khẩu; tác động tới kinh tế hộ thành viên; vai trò của KTTT trong việc hình thành, phát triển chuỗi giá trị sản phẩm, chuyển giao kiến thức và ứng dụng khoa học công nghệ cho xã viên…

- Về chính trị, văn hóa, xã hội: Vai trò KTTT tham gia các Chương trình mục tiêu quốc gia, xây dựng nông thôn mới; thực hiện an sinh xã hội, ổn định chính trị, bảo vệ môi trường...

b. Tồn tại, hạn chế

Nêu rõ những tồn tại, hạn chế của khu vực KTTT trong phát triển kinh tế - xã hội; năng lực nội tại của các tổ chức KTTT (cơ sở vật chất, quy mô, vốn, trình độ cán bộ quản lý, liên kết sản xuất, …); thực hiện các quy định pháp luật về KTTT…

---

[1]Hoạt động kinh doanh có lãi, thực hiện các nghĩa vụ của một tổ chức kinh tế đối với Nhà nước, thành viên, người lao động theo quy định hiện hành; đem lại lợi ích tối đa cho thành viên như tăng thu nhập, tạo việc làm, cung cấp các hoạt động phúc lợi cho thành viên…

c. Nguyên nhân

- Về pháp luật, cơ chế, chính sách;
- Về tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách;
- Về bản thân HTX;
- Về thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KTTT, HTX.

3. Bài học kinh nghiệm

II. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KTTT NĂNG LƯỢNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

1. Mục tiêu tổng quát

2. Các mục tiêu cụ thể

- Xác lập vị trí, vai trò của KTTT năng lượng trong phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương;

- Các chỉ tiêu cụ thể: Về đóng góp của KTTT vào phát triển kinh tế xã hội địa phương; số lượng THT, HTX số thành viên tham gia THT, HTX, số HTX thành viên tham gia liên minh HTX; doanh thu bình quân, lãi bình quân của 1 THT, HTX, thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX; số cán bộ quản lý HTX…

- Các mục tiêu cụ thể khác (nếu có).

3. Định hướng chung: Về khuyến khích phát triển KTTT năng lượng; các hình thức mở rộng quy mô thành viên; ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ sản xuất, kinh doanh; bảo đảm lợi ích thành viên...

4. Giải pháp thực hiện

- Về tuyên truyền nâng cao nhận thức về KTTT;
- Về hoàn thiện khung khổ pháp lý, cơ chế chính sách;
- Về nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với KTTT, gắn liền với công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong phát triển KTTT;
- Về nâng cao hiệu quả hoạt động của các KTTT hiệu quả và tổng kết mô hình;
- Về huy động nguồn lực xã hội để phát triển KTTT năng lượng;
- Về các giải pháp khác.

5. Tổ chức thực hiện.

6. Các kiến nghị đề xuất.

Biểu 1

CHỈ TIÊU CƠ BẢN PHÁT TRIỂN KTTT CÓ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ĐIỆN NĂNG GIAI ĐOẠN 2011-2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm										Tốc độ tăng/giảm giai đoạn 2011-2020
			Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
I	**Hợp tác xã (HTX)**												
1	Tỷ trọng đóng góp vào GDP địa phương	%											
2	Tổng số HTX	HTX											
	Trong đó:												
	Số HTX đang hoạt động	HTX											
	Số HTX ngừng hoạt động	HTX											
	Số HTX thành lập mới	HTX											
	Số HTX giải thể	HTX											
	Số HTX hoạt động hiệu quả	HTX											
	Số HTX thành lập doanh nghiệp	HTX											
3	Tổng số thành viên HTX	Thành viên											
	Trong đó:												
	Số thành viên mới	Thành viên											
	Số thành viên là cá nhân	Thành viên											
	Số thành viên là đại diện hộ gia đình	Thành viên											
	Số thành viên là pháp nhân	Thành viên											
4	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người											
	Trong đó:												
	Số lao động là thành viên HTX	Người											
	Số lao động có hợp đồng	Người											
5	Tổng vốn hoạt động của HTX	Tr đồng											

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm										Tốc độ tăng/giảm giai đoạn 2011-2020
			Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
6	Tổng giá trị tài sản HTX	Tr đồng											
7	Doanh thu bình quân một HTX	Tr đồng/năm											
7.1	*Hợp tác xã A……*												
	- Tổng thu nhập	Tr đồng/năm											
	- Lãi bình quân một HTX	Tr đồng/năm											
7.2	*Hợp tác xã B……*												
…	……												
7.3	*Hợp tác xã C……*												
…	……												
8	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX	Tr đồng/năm											
9	Tổng số cán bộ quản lý HTX	Người											
	Trong đó:												
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người											
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người											
10	Số cán bộ HTX được đóng BHXH	Người											
II	**Tổ hợp tác (THT)**												
1	Tổng số THT	THT											
	Trong đó:												
	Số THT thành lập mới	THT											
	Số THT có đăng ký thành lập	THT											
2	Tổng số thành viên THT	Thành viên											
3	Tổng số lao động trong THT	Người											
4	Doanh thu bình quân một THT	Tr đồng/năm											
5	Lãi bình quân một THT	Tr đồng/năm											

Biểu 2

TỔNG HỢP CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2011-2020

STT	Nội dung chính sách	Đơn vị tính	Giai đoạn 2011- 2012			Kết quả thực hiện												
						Giai đoạn 2013 - 2014			Giai đoạn 2015 - 2019					Ước thực hiện năm 2020				
			Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)				Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)			
				NSTW[2]	NSĐP[3]		NSTW	NSĐP		NSTW		NSĐP			NSTW		NSĐP	
										NTM[4]	Khác	NTM	Khác		NTM	Khác	NTM	Khác
	TỔNG																	
I	**Chính sách hỗ trợ**																	
1	Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX																	
1.1	Số người được cử đi đào tạo	Người																
1.2	Số người được tham gia bồi dưỡng	Người																
1.3	Thí điểm số cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở hợp tác xã	Người																
	Số HTX được hỗ trợ thí điểm	HTX																
2	Hỗ trợ về nguồn lực, mở rộng thị trường	HTX																
3	Hỗ trợ về ứng dụng KHKT, công nghệ mới	HTX																
4	Hỗ trợ về tiếp cận vốn và Quỹ hỗ trợ phát triển	HTX																

[2] Ngân sách Trung ương

[3] Ngân sách địa phương

[4] Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới

	HTX																		
	Số HTX được vay từ các tổ chức tín dụng	HTX																	
	Số HTX được vay từ Quỹ hỗ trợ phát triển HTX	HTX																	
5	Tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, phát triển kinh tế-xã hội																		
6	Hỗ trợ thành lập mới	HTX																	
7	Tổ chức lại hoạt động hợp tác xã	HTX																	
II	**Chính sách hỗ trợ đặc thù khác của địa phương (nếu có)**																		

Biểu 3

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ GIAI ĐOẠN 2021-2030

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm										Tốc độ tăng/giảm giai đoạn 2021-2030
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	
I	**Hợp tác xã (HTX)**												
1	Tỷ trọng đóng góp vào GDP	%											
2	Tổng số HTX	HTX											
	Trong đó:												
	Số HTX đang hoạt động	HTX											
	Số HTX ngừng hoạt động	HTX											
	Số HTX thành lập mới	HTX											
	Số HTX giải thể	HTX											
	Số HTX hoạt động hiệu quả	HTX											
	Số HT X thành lập doanh nghiệp	HTX											
3	Tổng số thành viên HTX	Thành viên											
	Trong đó:												
	Số thành viên mới	Thành viên											
	Số thành viên là cá nhân	Thành viên											
	Số thành viên là đại diện hộ gia đình	Thành viên											
	Số thành viên là pháp nhân	Thành viên											
4	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người											
	Trong đó:												
	Số lao động thường xuyên mới	Người											
	Số lao động là thành viên HTX	Người											
5	Tổng vốn hoạt động của HTX	Tr đồng											
6	Tổng giá trị tài sản HTX	Tr đồng											

7	Doanh thu bình quân một HTX	Tr đồng/năm											
	Trong đó:												
	Doanh thu của HTX với thành viên	Tr đồng/năm											
8	Lãi bình quân một HTX	Tr đồng/năm											
9	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX	Tr đồng/năm											
10	Tổng số cán bộ quản lý HTX	Người											
	Trong đó:												
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người											
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người											
11	Số cán bộ HTX được đóng BHXH	Người											
II	**Tổ hợp tác (THT)**												
1	Tổng số THT	THT											
	Trong đó:												
	Số THT thành lập mới	THT											
	Số THT có đăng ký thành lập	THT											
2	Tổng số thành viên THT	Thành viên											
3	Tổng số lao động trong THT	Người											
4	Doanh thu bình quân một THT	Tr đồng/năm											
5	Lãi bình quân một THT	Tr đồng/năm											

Biểu 4

DANH MỤC TÀI SẢN HỢP TÁC XÃ CÓ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH ĐIỆN NĂNG

Số TT	Huyện/ Hợp tác xã	Số liệu tính đến tháng 12 năm 2019												Nguồn lực lao động (Người)							Nguồn vốn đầu tư (triệu đồng)			Giấy phép hoạt động điện lực (Số QĐ/ngày-tháng-năm)
		Tài sản hệ thống điện								Số liệu kinh doanh				Tổng nhân lực	Lao động kỹ thuật					Lao động khác	Nguồn vốn nhà nước	Nguồn vốn tự đầu tư	Nguồn vốn khác	
		Đường dây trung áp			trạm biến áp		Đường dây hạ áp			Điện nhận	Điện thương phẩm	Công tơ			Có chứng chỉ ngành nghề điện	Công nhân có bậc thợ (3/7 trở lên)	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học					
		Khối lượng (km)	Chủng loại dây (mm2)	Tình trạng mang tải Pmax (Kw)	Công suất máy (kVA)	Tình trạng mang tải Pmax (Kw)	Khối lượng (km)	Chủng loại dây (mm2)	Tình trạng mang tải Pmax (Kw)	kWh/ năm	kWh/ năm	Loại công tơ 3 pha (cái)	Loại công tơ 1 pha (cái)											
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*
	Tổng cộng																							
1	**Huyện .....**																							
1	Hợp tác xã A																							
	.....																							
	.....																							
	.....																							
2	Hợp tác xã B																							
3	.....																							
4	.....																							
5	.....																							